

Số: **4275** /QĐ-BCT

Hà Nội, ngày **14** tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

SỞ CÔNG THƯƠNG **Yêu cầu phê duyệt bổ sung Quy hoạch thủy điện vừa và nhỏ tỉnh Lai Châu**

ĐẾN	Số: 412
	Ngày: 21/11/18
Chuyên: Phong QLNL	Căn cứ
Lưu hồ sơ số:	

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ các Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 và Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 43/2012/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương Quy định về quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng dự án thủy điện và vận hành khai thác công trình thủy điện;

Xét đề nghị của UBND tỉnh Lai Châu tại các văn bản:

- Văn bản số 1220/UBND-CN ngày 13 tháng 8 năm 2018 về việc bổ sung quy hoạch các Dự án thủy điện Hà Nế, Kho Hà, Nậm Lon và Nậm Chán thuộc địa bàn các huyện Mường Tè, Phong Thổ và Sìn Hồ;

- Văn bản số 212/UBND-CN ngày 08 tháng 02 năm 2018 về việc bổ sung quy hoạch Dự án thủy điện Van Hồ thuộc địa Phong Thổ;

- Văn bản số 213/UBND-CN ngày 08 tháng 02 năm 2018 về việc bổ sung quy hoạch Dự án thủy điện Nậm Lùm 1 thuộc địa bàn huyện Phong Thổ;

- Văn bản số 248/UBND-CN ngày 01 tháng 3 năm 2018 về việc bổ sung quy hoạch Dự án thủy điện Đông Pao thuộc địa bàn huyện Tam Đường;

- Văn bản số 2351/UBND-CN ngày 27 tháng 12 năm 2017 về việc bổ sung quy hoạch các Dự án thủy điện Pa Tần 1 và Pa Tần 2 thuộc địa bàn huyện Sìn Hồ;

- Văn bản số 1202/UBND-CN ngày 09 tháng 8 năm 2018 về việc báo cáo kết quả rà soát diện tích chiếm đất và chủ trương của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu về việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất quy hoạch rừng phòng hộ (chưa có rừng) đối với các Dự án thủy điện vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Trên cơ sở Báo cáo bổ sung quy hoạch các Dự án thủy điện do cơ quan tư vấn chuyên ngành lập theo quy định:

- Báo cáo bổ sung quy hoạch các Dự án thủy điện Hà Nế và Kho Hà do Viện Khoa học Năng lượng lập tháng 6 năm 2018;

- Báo cáo bổ sung quy hoạch các Dự án thủy điện Nậm Lon và Nậm Chán do Công ty Cổ phần Tư vấn năng lượng sạch lập tháng 5 năm 2018;

- Báo cáo bổ sung quy hoạch Dự án thủy điện Van Hồ do Công ty Cổ phần Tư vấn và chuyển giao công nghệ Hà Nội lập tháng 10 năm 2017;

- Báo cáo bổ sung quy hoạch Dự án thủy điện Nậm Lùm 1 do Viện Thủy điện và Năng lượng tái tạo - Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam lập tháng 12 năm 2017;

- Báo cáo bổ sung quy hoạch Dự án thủy điện Đông Pao do Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng và thương mại điện 1 lập tháng 12 năm 2017;

- Báo cáo bổ sung quy hoạch các Dự án thủy điện Pa Tần 1 và Pa Tần 2 do Công ty Cổ phần Tư vấn Năng lượng sạch lập tháng 6 năm 2017;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung các Dự án thủy điện: Hà Nế, Kho Hà, Nậm Lon, Nậm Chán, Van Hồ, Nậm Lùm 1, Đông Pao, Pa Tần 1 và Pa Tần 2 vào Quy hoạch thủy điện vừa và nhỏ tỉnh Lai Châu. Vị trí xây dựng công trình, nhiệm vụ, sơ đồ khai thác và các thông số chính của các Dự án thủy điện được bổ sung tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Việc đầu tư xây dựng các Dự án thủy điện tại Điều 1 của Quyết định này phải đảm bảo phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch: Phát triển kinh tế - xã hội, sử dụng đất, sử dụng tài nguyên, phát triển điện lực. Đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành về xây dựng, tài nguyên nước, bảo vệ và phát triển rừng và các quy định có liên quan khác.

Điều 3. Trong giai đoạn nghiên cứu đầu tư xây dựng công trình các dự án thủy điện nêu trên, UBND tỉnh Lai Châu chỉ đạo Chủ đầu tư, đơn vị Tư vấn và các cơ quan có liên quan thực hiện các nội dung sau:

- Hoàn thiện điều tra, khảo sát bổ sung, đánh giá đầy đủ các điều kiện tự nhiên khu vực dự án (địa hình, địa chất, khí tượng, thủy văn, dân sinh, kinh tế - xã hội...);

- Tiếp tục nghiên cứu chuẩn xác quy mô mực nước dâng bình thường (MNDBT), mực nước chết (MNC), công suất lắp máy (N_{lm}), điện lượng trung bình năm (E_0) và phương án thiết kế các hạng mục công trình có liên quan nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, đảm bảo công trình vận hành an toàn ổn định và giảm thiểu tác động đối với môi trường - xã hội;

- Đánh giá kỹ và thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tác động của dự án đối với môi trường - xã hội. Trong đó, phải lập và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện các phương án về: Trồng rừng thay thế, đảm bảo duy trì dòng chảy tối thiểu phía hạ lưu đập. Công tác bồi thường, hỗ trợ, di dân, tái định cư phải được thực hiện phù hợp với phong tục tập quán của đồng bào các dân tộc tại địa phương;

- Rà soát, đánh giá kỹ quy hoạch đất rừng các loại và hiện trạng đất rừng của tỉnh, trên cơ sở đó xác định chính xác diện tích chiếm đất các loại của các dự án thủy điện nêu trên để thực hiện việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành và các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của cấp có thẩm quyền;

- Trong quá trình đầu tư xây dựng, vận hành khai thác các nhà máy thủy điện phải đảm bảo không ảnh hưởng đến các bậc thang thủy điện liền kề phía thượng và hạ lưu trong quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Thực hiện các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng theo Luật Xây dựng, các Nghị định của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng;

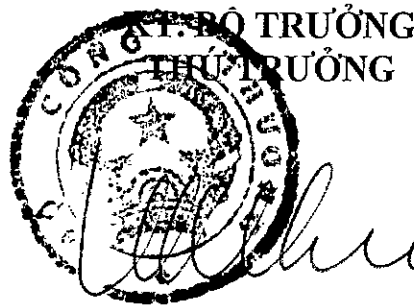
- Tiến độ thực hiện các Dự án phải phù hợp với tiến độ xây dựng lưới điện truyền tải trong khu vực;

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo, Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu, Giám đốc Sở Công Thương tỉnh Lai Châu, Tổng giám đốc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Chủ đầu tư các dự án và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ trưởng;
- Lưu: VT, ĐL.



Hoàng Quốc Vượng

Phụ lục: Thông số chính của các Dự án thủy điện được bổ sung vào Quy hoạch thủy điện vừa và nhỏ tỉnh Lai Châu

(Ban hành theo Quyết định số: **4275/QĐ-BCT** ngày **14** tháng 11 năm 2018 của Bộ Công Thương)

Tên Dự án	Vị trí xây dựng công trình			Nhiệm vụ	Sơ đồ khai thác	Các thông số chính
	Tọa độ (dự kiến)	Sông, suối - hệ thống sông	Xã - Huyện			
1. Thủy điện Hà Né	- Tuyến đập: 22°38'16,33" VĐB - 102°43'26,78" KĐĐ - Nhà máy: 22°38'12" VĐB - 102°42'45" KĐĐ	Suối Hà Né - suối Nậm Cùm - HT sông Đà	xã Pa Ủ, huyện Mường Tè	Phát điện lên lưới điện quốc gia	Đập dâng kết hợp đập tràn xả lũ trên suối Hà Né, tuyến năng lượng kiểu đường dẫn bên bờ phải và nhà máy thủy điện kiểu hồ xả nước trở lại suối Hà Né (hồ thủy điện Kho Hà).	$F_{lv} = 30 \text{ km}^2$ $MNDBT = 1.160 \text{ m}$ $MNC = 1.157 \text{ m}$ $MNHL_{\min} = 960 \text{ m}$ $N_{lm} = 10 \text{ MW}$ $E_o = 35,02 \text{ triệu KWh}$
2. Thủy điện Kho Hà	- Tuyến đập chính: 22°38'09" VĐB - 102°42'19" KĐĐ - Tuyến đập phụ: 22°39'15" VĐB - 102°41'29" KĐĐ - Nhà máy: 22°37'26" VĐB - 102°41'09" KĐĐ	Suối Khò Ma và suối Hà Né - suối Nậm Cùm - HT sông Đà	xã Pa Ủ, huyện Mường Tè	Phát điện lên lưới điện quốc gia	Đập chính dâng kết hợp đập tràn xả lũ trên suối Hà Né (nhánh bờ phải của suối Nậm Cùm), đập phụ trên suối Khò Ma dẫn nước bằng đường hầm áp lực bổ sung nước cho hồ chính, tuyến năng lượng bên bờ phải suối Hà Né và nhà máy thủy điện kiểu hồ bên bờ phải suối Nậm Cùm xả nước trở lại suối Nậm Cùm.	$F_{lv} = 39 \text{ km}^2$ $F_{lvp} = 22 \text{ km}^2$ $MNDBT_{dc} = 960 \text{ m}$ $MNC_{dc} = 940 \text{ m}$ $MNDBT_{dp} = 990 \text{ m}$ $MNC_{dp} = 970 \text{ m}$ $MNHL_{\min} = 780 \text{ m}$ $N_{lm} = 20 \text{ MW}$ $E_o = 70,16 \text{ triệu KWh}$

Tên Dự án	Vị trí xây dựng công trình			Nhiệm vụ	Sơ đồ khai thác	Các thông số chính
	Tọa độ (dự kiến)	Sông, suối - hệ thống sông	Xã - Huyện			
3. Thủy điện Nậm Lon	- Tuyến đập: 22°35'35,7" VĐB - 103°26'38" KĐĐ - Nhà máy: 22°35'22,1" VĐB - 103°24'25,2" KĐĐ	Suối Nậm Lon - suối Nậm Lụm - sông Nậm Na - HT sông Đà	xã Bản Lang, huyện Phong Thổ	Phát điện lên lưới điện quốc gia	Đập dâng kết hợp đập tràn xả lũ trên suối Nậm Lon, tuyến năng lượng kiểu đường dẫn bên bờ phải và nhà máy thủy điện kiểu hở xả nước trở lại suối Nậm Lon.	$F_{lv} = 15,6 \text{ km}^2$ $MNDBT = 1.240 \text{ m}$ $MNC = 1.240 \text{ m}$ $MNHL_{\min} = 624,6 \text{ m}$ $N_{lm} = 10 \text{ MW}$ $E_o = 35,93 \text{ triệu KWh}$
4. Thủy điện Nậm Chán	- Tuyến đập chính: 22°35'2,6" VĐB - 102°50'14,2" KĐĐ - Tuyến đập phụ : 22°34'22" VĐB - 102°49'34" KĐĐ - Nhà máy: 22°33'54,3" VĐB - 102°50'32,6" KĐĐ	Suối Nậm Chán - suối Nậm Khăm - HT sông Đà	xã Tả Ngáo và xã Làng Mồ - huyện Sìn Hồ	Phát điện lên lưới điện quốc gia	Đập chính dâng kết hợp đập tràn xả lũ trên suối Nậm Chán, đập phụ trên suối nhánh bờ phải suối Nậm Chán dẫn nước bằng kênh dẫn bổ sung nước vào bể áp lực, tuyến năng lượng bên bờ phải suối Nậm Chán và nhà máy thủy điện kiểu hở xả nước trở lại suối Nậm Chán.	$F_{lv} = 33,6 \text{ km}^2$ $F_{lvp} = 1,6 \text{ km}^2$ $MNDBT_{dc} = 550 \text{ m}$ $MNC_{dc} = 548 \text{ m}$ $MNDBT_{dp} = 555 \text{ m}$ $MNHL_{\min} = 295,22 \text{ m}$ $N_{lm} = 5 \text{ MW}$ $E_o = 16,85 \text{ triệu KWh}$
5. Thủy điện Van Hồ	- Tuyến đập: 22°33'28,4" VĐB - 103°30'26,5" KĐĐ - Nhà máy: 22°32'5,32" VĐB - 103°29'14,66" KĐĐ	Suối Van Hồ - suối Nậm Pạc - HT sông Đà	xã Nậm Xe - huyện Phong Thổ	Phát điện lên lưới điện quốc gia	Đập chính dâng kết hợp đập tràn xả lũ trên suối Van Hồ, tuyến năng lượng bờ phải và nhà máy thủy điện kiểu hở xả nước trở lại suối Van Hồ.	$F_{lv} = 29,5 \text{ km}^2$ $MNDBT = 975 \text{ m}$ $MNC = 970,5 \text{ m}$ $MNHL_{\min} = 702,2 \text{ m}$ $N_{lm} = 9,9 \text{ MW}$ $E_o = 36,05 \text{ triệu KWh}$

Tên Dự án	Vị trí xây dựng công trình			Nhiệm vụ	Sơ đồ khai thác	Các thông số chính
	Tọa độ (dự kiến)	Sông, suối - hệ thống sông	Xã - Huyện			
6. Thủy điện Nậm Lùm 1	- Tuyến đập chính: 22°38'52,5" VĐB - 103°25'7,5" KĐĐ - Tuyến đập phụ : 22°39'17,5" VĐB - 103°24'49,5" KĐĐ - Nhà máy: 22°38'35,13" VĐB - 103°23'56,82" KĐĐ	Suối Nậm Lùm - suối Nậm So - HT sông Đà	xã Bản Lang ^h và xã Đào San - huyện Phong Thô	Phát điện lên lưới điện quốc gia	Đập chính dâng kết hợp đập tràn xả lũ trên suối Nậm Lùm, đập phụ trên suối Ma Quai Hồ (nhánh suối bờ phải của suối Nậm Lùm) bổ sung nước vào hồ chính bằng đường hầm áp lực, tuyến năng lượng bờ trái suối Nậm Lùm và nhà máy thủy điện kiểu hồ xả nước trở lại suối Nậm Lùm.	$F_{lv} = 33,4 \text{ km}^2$ $F_{lvp} = 10,71 \text{ km}^2$ $MNDBT_{dc} = 993 \text{ m}$ $MNC_{dc} = 986 \text{ m}$ $MNDBT_{dp} = 1.000 \text{ m}$ $MNHL_{min} = 815,06 \text{ m}$ $N_{lm} = 8 \text{ MW}$ $E_o = 28,12 \text{ triệu KWh}$
7. Thủy điện Đông Pao	- Tuyến đập: 22°19'40" VĐB - 103°34'58" KĐĐ - Nhà máy: 22°18'6" VĐB - 103°35'38" KĐĐ	Sông Nậm Mu - HT sông Đà	xã Bản Hòn và thị trấn Tam Đường - huyện Tam Đường	Phát điện lên lưới điện quốc gia	Đập chính dâng kết hợp đập tràn xả lũ trên sông Nậm Mu, tuyến năng lượng bờ phải và nhà máy thủy điện kiểu hồ xả nước trở lại sông Nậm Mu.	$F_{lv} = 248 \text{ km}^2$ $MNDBT = 642 \text{ m}$ $MNC = 640 \text{ m}$ $MNHL_{min} = 609,42 \text{ m}$ $N_{lm} = 6,5 \text{ MW}$ $E_o = 23,36 \text{ triệu KWh}$
8. Thủy điện Pa Tần 1	- Tuyến đập: 22°28'37,6" VĐB - 103°07'41,2" KĐĐ - Nhà máy: 22°28'44,6" VĐB - 103°08'54,3" KĐĐ	Suối Nậm Tần - sông Nậm Na - HT sông Đà	xã Pa Tần - huyện Sin Hồ ^h	Phát điện lên lưới điện quốc gia	Đập chính dâng kết hợp đập tràn xả lũ trên suối Nậm Tần, tuyến năng lượng bờ trái và nhà máy thủy điện kiểu hồ xả nước trở lại suối Nậm Tần.	$F_{lv} = 42,6 \text{ km}^2$ $MNDBT = 510 \text{ m}$ $MNC = 508 \text{ m}$ $MNHL_{min} = 393,12 \text{ m}$ $N_{lm} = 8 \text{ MW}$ $E_o = 28,5 \text{ triệu KWh}$



Tên Dự án	Vị trí xây dựng công trình			Nhiệm vụ	Sơ đồ khai thác	Các thông số chính
	Tọa độ (dự kiến)	Sông, suối - hệ thống sông	Xã - Huyện			
9. Thủy điện Pa Tần 2	- Tuyến đập: 22°29'07,2" VĐB - 103°09'29,5" KĐĐ - Đập phụ (Bẫy nước): 22°28'17,3" VĐB - 103°10'48,2" KĐĐ - Nhà máy: 22°28'10,5" VĐB - 103°11'40,36" KĐĐ	Suối Nậm Tần và Nậm Tiến - sông Nậm Na - HT sông Đà	xã Pa Tần - huyện Sin Hồ	Phát điện lên lưới điện quốc gia	Đập chính dâng kết hợp đập tràn xả lũ trên suối Nậm Tần, đập phụ dâng nước kết hợp đập tràn (bẫy nước) trên suối Nậm Tiến (nhánh bờ phải của suối Nậm Tần), tuyến năng lượng bờ phải và nhà máy thủy điện kiểu hở bên bờ phải sông Nậm Na và xả nước ra sông Nậm Na (tại vị trí hợp lưu giữa sông Nậm Na và suối Nậm Tần).	$F_{lvc} = 70,2 \text{ km}^2$ $F_{lvp} = 10,2 \text{ km}^2$ $MNDBT_{dc} = 395 \text{ m}$ $MNC_{dc} = 393,12 \text{ m}$ $MNHL_{min} = 235,54 \text{ m}$ $N_{lm} = 20 \text{ MW}$ $E_o = 71,83 \text{ triệu KWh}$

Ghi chú: F_{lv} : Diện tích lưu vực tính đến tuyến đập; $MNDBT$: Mức nước dâng bình thường; MNC : Mức nước chết; $MNHL_{min}$: Mức nước hạ lưu nhà máy nhỏ nhất; N_{lm} : Công suất lắp máy; E_o : Điện lượng bình quân năm.